

Số : 06 /QĐ-TH

Bến Cát , ngày 16 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026
của trường Tiểu học Võ Thị Sáu

Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ vào Quyết Định số : 1480/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường Bến Cát về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2026.

Căn cứ vào tình hình thu chi ngân sách của nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của trường tiểu học Võ Thị Sáu (theo biểu đính kèm)

Điều 2: Bộ phận kế toán và các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 2
- Phòng KT-HT-ĐT P. Bến Cát
- Lưu VT



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Sỹ An Quốc

ĐƠN VỊ: TH VÕ THỊ SÁU

CHƯƠNG : 622 , LOẠI: 490

CÔNG KHAI

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(kèm theo quyết định số 06 /QĐ-TH ngày 16/ 01 / 2026 của trường Tiểu học Võ Thị Sáu)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng kinh phí năm 2026	15.383.047.769
	Kinh phí cấp 2026	15.383.047.769
	Kinh phí thường xuyên	8.051.827.133
	Kinh phí không thường xuyên	7.331.220.636
	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
STT	Dự toán ngân sách nhà nước	15.383.047.769
A	Nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	8.051.827.133
I	Lương BC,Lương HĐ trong BC, phụ cấp và CKĐG	4.619.300.105
1	Lương , phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương (Biên chế)	4.516.468.337
2	Lương , phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương (Biên chế chưa tuyển)	102.831.768
3	Lương hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế	
II	Hoạt động bộ máy (biên chế)	107.526.617
	- Hoạt động của biên chế : sau khi trừ tiết kiệm	90.867.870
	- Hoạt động của biên chế chưa tuyển sau khi trừ tiết kiệm	16.658.747
III	Nguồn cải cách tiền lương	3.325.000.411
		3.325.000.411
B	Nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	7.331.220.636
1	Trong đó :	3.030.601.560
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Nghiệp vụ chuyên môn , chế độ chính sách trung ương và địa phương : Các khoản phụ cấp và hỗ trợ khác , thừa giờ , lương hợp đồng ngoài chỉ tiêu , chi khác	873.951.560
	Kinh phí cấp bù học phí : hỗ trợ chi phí học tập	640.800.000
	Kinh phí mua sắm ,sửa chữa các phòng học	230.850.000
	Kinh phí trợ cấp tinh giản biên chế theo Nghị định số :154/2025/NĐ-CP	1.285.000.000
2	Kinh phí khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	254.938.320
3	Kinh phí chính sách thu nhập tăng thêm theo Nghị Quyết số 27/2025/NQ-HĐND	4.045.680.756

Lập bảng


Nguyễn Thị Thanh Liên

Bến Cát, ngày 16 tháng 01 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ




Nguyễn Sỹ An Quốc